

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ AYUN PA  
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày 02-7-2024

"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUN PA - TỈNH GIA LAI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Siu Lanh.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Bà Phan Thị Nhàn
- Ông Nguyễn Đức Thại

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Nay Ha -Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXX-ST, ngày 29 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm 1992.

Bị đơn: Anh Huỳnh Phước S, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: đường H, tổ dân phố A, phường C, Thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Chị P có mặt, Anh S vắng mặt lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 07/4/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh S tìm hiểu, tiến tới hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 13/9/2010. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày. Anh S thường xuyên ghen

tuông vô cớ khi chị đi làm bên ngoài và lúc nào cũng nghi ngờ chị P, nên cũng sống không có sự tin tưởng lẫn nhau. Ngoài ra, anh S còn có tính gia trưởng, không chịu đi làm mà ở nhà theo dõi, nói xấu chị P với người khác. Cả hai đã ngồi lại cùng nhau giải quyết vấn đề, nhưng vẫn không thay đổi, cuộc sống của chị P rất khổ về tinh thần. Chị P cũng đã cố gắng rất nhiều vì các con, nhưng đến nay chị không thể chịu đựng được nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng làm ảnh hưởng đến tâm lý các con. Hiện chị P và anh S đã sống ly thân với nhau. Khi hòa giải tại Tòa án, anh S chỉ hứa hẹn, không thực hiện như lời anh S nói. Thời gian qua, anh S vẫn tiếp tục nói xấu chị P tại nơi làm việc, nên chị P không thể chấp nhận được. Vì vậy, chị P xác định vợ chồng không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không còn, nên chị P kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh S.

- Về con chung: Có 02 người con chung, gồm: Huỳnh Trần Tường V, sinh ngày 07/11/2011 và Huỳnh Trần Kim N, sinh ngày 22/02/2013. Khi ly hôn, chị P có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn anh Huỳnh Phước S trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh S đồng ý với lời trình bày của chị P về quá trình tiến tới hôn nhân, ngày đăng ký kết hôn, cũng như mâu thuẫn xảy ra. Anh S thừa nhận bản thân anh có lỗi, sai với vợ, tính tình hay ghen tuông chị P nên đã làm cho chị P đau khổ. Nay anh S xin hứa sẽ thay đổi bản thân để vợ chồng về đoàn tụ, quay về với nhau để cùng nuôi dạy 02 con. Nay chị P làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh S không đồng ý, vì anh S vẫn còn thương vợ, không thể sống thiếu vợ con và hiện tại các con đang còn nhỏ nên cần sự quan tâm của cả bố và mẹ.

- Về con chung: Có 02 con là Huỳnh Trần Tường V, sinh ngày 07/11/2011 và Huỳnh Trần Kim N, sinh ngày 22/02/2013. Nếu chị P nhất quyết ly hôn, thì anh S có nguyện vọng nuôi 01 cháu đầu.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị P đã chấp hành và thực hiện quyền và nghĩa vụ

của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn anh Huỳnh Phước S không chấp hành và không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình như không đến Tòa án tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy mâu thuẫn giữa chị Trần Thị P và anh Huỳnh Phước S là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX tuyên xử cho chị Trần Thị P ly hôn với anh Huỳnh Phước S.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao hai người con chung Huỳnh Trần Tường V, sinh ngày 07/11/2011 và Huỳnh Trần Kim N, sinh ngày 22/02/2013 cho chị Trần Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục (Theo nguyện vọng của hai cháu mong muốn ở với mẹ).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh Huỳnh Phước S không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị HĐXX không đề cập, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến. Đề nghị HĐXX không đề cập, giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn chị Trần Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con; bị đơn anh Huỳnh Phước S hiện đang cư trú tại: Tổ dân phố A, phường C, thị xã A, tỉnh Gia Lai, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Bị đơn anh anh Huỳnh Phước S đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về phạm vi giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Huỳnh Phước S đã được Tòa án tổng đạt họp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, biết được các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên anh Huỳnh Phước S không hợp tác, không có yêu cầu phản tố; không đến tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S tìm hiểu, tiến tới hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 13/9/2010. Chị Trần Thị P và anh Huỳnh Phước S xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/9/2010 tại UBND phường C, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy tại khoản 1, khoản 5 Điều 3 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cũng quy định, Tòa án chỉ giải quyết cho ly hôn nếu *“...có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*.

Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình sống chung giữa chị Trần Thị P và anh Huỳnh Phước S đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ trách nhiệm trong gia đình, anh S hay xúc phạm, ghen tuông vô cớ. Hiện vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa, nên chị P yêu cầu được ly hôn, anh S không đồng ý ly hôn, muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung. Tại phiên tòa hôm nay, chị P nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, gia đình không hạnh phúc và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, nên chị P kiên quyết vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Phước S.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống của vợ chồng chị Trần Thị P và Huỳnh Phước S là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị P kiên quyết yêu cầu ly hôn, cho nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: xử cho chị Trần Thị P được ly hôn với anh Huỳnh Phước S là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Giữa chị Trần Thị P và anh Huỳnh Phước S có hai người con chung, gồm các cháu Huỳnh Trần Tường V, sinh ngày 07/11/2011 và Huỳnh Trần Kim N, sinh ngày 22/02/2013. Cả chị Trần Thị P và anh Huỳnh Phước S đều có nguyện vọng nuôi con. Tuy nhiên, tại biên bản ghi nhận nguyện vọng của hai cháu vào ngày 03/ 5/2024, thì hai cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ. Do vậy, HĐXX giao cho chị Trần Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung (Theo nguyện vọng của hai cháu mong muốn ở với mẹ) là hợp tình, hợp lý, có căn cứ.

Theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định “2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con:

Tại phiên tòa, chị Trần Thị P không yêu cầu anh Huỳnh Phước S cấp dưỡng nuôi con, cho nên HĐXX không đề cập, xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên HĐXX chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 96, khoản 4 Điều 147; Điều 235; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 19, Điều 21, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị P

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P được ly hôn với anh Huỳnh Phước S.

2. Về con chung: Giao các cháu Huỳnh Trần Tường V, sinh ngày 07/11/2011 và



Huỳnh Trần Kim N, sinh ngày 22/02/2013 cho chị Trần Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Thời gian nuôi con của chị P được tính từ ngày 02/7/2024 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự; không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

**3. Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị Trần Thị P không yêu cầu nên anh Huỳnh Phước S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh Huỳnh Phước S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

**4. Về tài sản chung :** Chị Trần Thị P và anh Huỳnh Phước S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

**5. Về án phí:** Chị Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0011951, ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Chị P đã nộp đủ.

#### **6. Quyền kháng cáo:**

Chị Trần Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/7/2024) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử phúc thẩm. Anh Huỳnh Phước S vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú, để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Ayun Pa;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS thị xã Ayun Pa;- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Siu Lanh**